

Số: /QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Nam
giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (cập nhật)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 19/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (cập nhật);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 21/TTr-STNMT ngày 15/01/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (cập nhật).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2724/QĐ-UBND ngày 05/10/2020 của UBND tỉnh Quảng Nam Ban hành Kế hoạch thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, Hội, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Biến đổi khí hậu;
- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CPVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Thái Bình

KẾ HOẠCH

Thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (cập nhật)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 21/01/2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)

Thực hiện Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 19/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (cập nhật); Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam ban hành Kế hoạch thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (cập nhật) (sau đây gọi tắt là Kế hoạch) với những nội dung sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Việc triển khai thực hiện Kế hoạch thích ứng với biến đổi khí hậu của tỉnh, nhằm giảm thiểu mức độ dễ bị tổn thương và rủi ro trước những tác động của biến đổi khí hậu thông qua nâng cao khả năng chống chịu và năng lực thích ứng của hệ thống tự nhiên, kinh tế và xã hội; giảm thiểu tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu gây ra; thích ứng với biến đổi khí hậu phải được lồng ghép vào các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Nâng cao khả năng chống chịu và năng lực thích ứng của hệ thống tự nhiên, kinh tế và xã hội của tỉnh, bảo đảm sinh kế bền vững; nâng cao năng lực và nhận thức để sẵn sàng điều chỉnh trước những thay đổi của khí hậu.

b) Giảm nhẹ rủi ro thiên tai, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai và khí hậu cực đoan gia tăng, góp phần giảm thiểu tổn thất, thiệt hại về người và tài sản do biến đổi khí hậu.

c) Phát huy tiềm năng và nguồn lực nhằm thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu và thúc đẩy việc lồng ghép thích ứng với biến đổi khí hậu vào chiến lược, quy hoạch.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nâng cao khả năng chống chịu và năng lực thích ứng của hệ thống tự nhiên, kinh tế và xã hội của tỉnh, bảo đảm sinh kế bền vững

Nâng cao khả năng chống chịu và năng lực thích ứng của hệ thống tự nhiên, kinh tế và xã hội, bảo đảm sinh kế bền vững thông qua đầu tư cho các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu nhằm sử dụng hiệu quả và ngăn chặn tình trạng suy thoái tài nguyên; phát triển nông nghiệp thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo vệ, phát triển rừng và các hệ sinh thái; phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng; tăng cường hệ thống y tế và chăm sóc sức khỏe; bảo đảm an sinh xã hội và bình đẳng giới.

1.1 Sử dụng hiệu quả và ngăn chặn tình trạng suy giảm, suy thoái tài nguyên

a) Triển khai có hiệu quả Luật Tài nguyên nước năm 2023¹; Cập nhật và điều chỉnh danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp; danh mục hành lang bảo vệ nguồn nước,... và các nhiệm vụ khác theo quy định; lập và triển khai Kế hoạch bảo vệ tài nguyên nước dưới đất trên địa bàn tỉnh; quản lý hiệu quả các hoạt động khai thác nước dưới đất trong các khu vực chịu tác động của biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn; phòng chống suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước.

b) Khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến để quản lý, bảo vệ, phát triển bền vững các nguồn nước; khôi phục nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt; khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do thiếu nước gây ra.

c) Khai thác hợp lý, hiệu quả diện tích đất chưa sử dụng, đất bãi bồi ven sông, ven biển cho phát triển rừng, phát triển cây xanh ở đô thị và khu công nghiệp, tập trung tại các khu công nghiệp có diện tích lớn như Khu công nghiệp Điện Nam – Điện Ngọc, KCN Bắc Chu Lai; KCN Hậu cần cảng Tam Hiệp, KCN Đông Quế Sơn.... Tăng cường các giải pháp cải tạo, bảo vệ môi trường đất, đặc biệt đối với đất sản xuất nông nghiệp bị thoái hóa; ngăn ngừa, giảm thiểu thoái hóa đất do xói mòn, hạn hán, xâm nhập mặn.

d) Quản lý chặt chẽ các nguồn tài nguyên khoáng sản sử dụng làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh; bảo đảm phòng, chống sạt lở, sụt lún, xâm thực biển, chú trọng vùng biển Cửa Đại - Hội An, Cửa Lở - Núi Thành,...

1.2 Phát triển nông nghiệp thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu

a) Triển khai các giải pháp nông nghiệp thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp, bố trí hợp lý cơ cấu mùa vụ, chuyển đổi một phần diện tích trồng lúa sang cây trồng có giá trị, hiệu quả kinh tế cao hoặc trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản; khai thác và phát huy lợi thế của nền nông nghiệp nhiệt đới; phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái, phát thải khí nhà kính thấp, thân thiện với môi trường; đẩy mạnh hợp tác, liên kết vùng, phát triển chuỗi giá trị nông sản hoặc vùng nguyên liệu chủ lực; quy hoạch vùng sản xuất, phát triển nông nghiệp, hàng hóa tập trung quy mô lớn và hiện đại.

b) Áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chế biến, hạn chế tối đa việc tác động đến môi trường tự nhiên.

1.3. Quản lý, bảo vệ, phát triển rừng và các hệ sinh thái

a) Tổ chức quản lý, bảo vệ nghiêm ngặt diện tích rừng tự nhiên hiện có và phát triển lâm nghiệp bền vững phù hợp với Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia và quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

¹ Kế hoạch số 3844/KH-UBND ngày 28/5/2024 của UBND tỉnh triển khai thi hành Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

b) Tăng cường khả năng phòng hộ của rừng đầu nguồn, rừng ven biển, hải đảo; Xác lập, mở rộng, nâng hạng các khu rừng đặc dụng, bảo tồn biển; phục hồi và nâng cấp chất lượng rừng ngập mặn ven biển tại các huyện ven biển như Núi Thành, Duy Xuyên, Hội An.; phát triển rừng trồng gỗ lớn và phục hồi cảnh quan rừng; quản lý bền vững tài nguyên rừng gắn với bảo vệ đa dạng sinh học và nâng cao dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên; tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong bảo vệ, quản lý và phát triển rừng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh và thích ứng với biến đổi khí hậu. Củng cố và kiện toàn hệ thống giám sát và đánh giá, ứng phó khẩn cấp với cháy rừng.

c) Quản lý các hệ sinh thái; tăng cường khả năng phục hồi của hệ sinh thái tự nhiên; bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học trước tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Đẩy mạnh hoạt động trồng rừng, tái trồng rừng, phục hồi rừng và làm giàu rừng; khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên rừng gắn với bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, hạn chế mất rừng, suy thoái rừng để tạo ra trữ lượng cac-bon rừng góp phần giảm phát thải, tăng hấp thụ khí nhà kính và tăng trưởng xanh.

d) Nâng cao hiệu quả công tác bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học trong các hệ sinh thái. Thành lập mới, mở rộng, nâng cấp và nâng cao hiệu quả quản lý các khu bảo tồn thiên nhiên; cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, hành lang đa dạng sinh học, vùng đất ngập nước quan trọng; hình thành các khu vực đa dạng sinh học cao, cảnh quan sinh thái quan trọng; bảo tồn đa dạng sinh học ngoài phạm vi các khu bảo tồn thiên nhiên; các khu vực bảo vệ nguồn lợi thủy sản, ... theo quy hoạch; phát triển các mô hình liên kết sản phẩm để nâng cao giá trị tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu, đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào tự nhiên, dựa vào hệ sinh thái và dựa vào cộng đồng.

1.4. Phát triển hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu

a) Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, đô thị, khu dân cư, khu tái định cư trên cơ sở phân vùng rủi ro thiên tai và kịch bản biến đổi khí hậu. Nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng trên địa bàn tỉnh gắn liền với các biện pháp bảo vệ tài nguyên rừng và bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

b) Phát triển đô thị, hạ tầng đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu tại các khu vực tập trung đông dân cư, khu công nghiệp, khu tái định cư ven biển và hải đảo; phát triển các khu đô thị, đô thị ven biển, trung tâm du lịch biển, du lịch sinh thái; đẩy mạnh phát triển nhà ở, hệ thống hạ tầng đô thị đồng bộ, liên kết, thích ứng với biến đổi khí hậu; ứng dụng các giải pháp làm mát bền vững, vật liệu mới có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực xây dựng và đô thị.

Tăng cường các giải pháp hạ tầng xanh (công viên sinh thái, hành lang xanh, bãi ngàm tự nhiên...), giao thông xanh (đường đi bộ, xe đạp, giao thông công cộng...) nhằm giảm phát thải khí nhà kính.

c) Xây dựng, nâng cấp, cải tạo các cơ sở y tế, trường học bảo đảm khả năng chống chịu trước tác động của biến đổi khí hậu và thiên tai; tăng cường năng lực thích ứng khi xảy ra thiên tai và sơ tán trong các tình huống thiên tai khẩn cấp.

d) Nâng cấp, cải tạo các công trình giao thông tại các khu vực có rủi ro thiên tai cao và dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu.

đ) Xây dựng, nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước, phòng chống ngập lụt do mưa lớn, lũ, triều cường, nước dâng do bão tại các khu đô thị, khu tập trung đông dân cư. Tập trung xây dựng, duy tu, nâng cấp các công trình thủy lợi, các hồ chứa nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất, tăng cường khả năng dự trữ nước ngọt đảm bảo an ninh nguồn nước trên địa bàn tỉnh.

e) Tăng cường năng lực, cơ sở hạ tầng cung cấp nước sạch cho dân cư, quan tâm khu vực nông thôn, miền núi, ven biển đặc biệt là những vùng chịu tác động của bão, lũ, hạn hán, xâm nhập mặn.

1.5. Tăng cường hệ thống y tế và chăm sóc sức khỏe

a) Phát triển mạng lưới y tế, chăm sóc sức khỏe đáp ứng yêu cầu về phòng chống dịch bệnh và các bệnh mới phát sinh do biến đổi khí hậu, ưu tiên các đối tượng dễ bị tổn thương, tại khu vực miền núi của tỉnh. Tăng cường truyền thông và xây dựng năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu trong ngành y tế.

b) Tăng cường nâng cao nhận thức và cảnh báo sớm các tác động của biến đổi khí hậu đến sức khỏe cho cộng đồng.

1.6 Bảo đảm an sinh xã hội và bình đẳng giới

Phát triển các mô hình sinh kế bền vững; chú trọng đào tạo, chuyển đổi nghề và hỗ trợ công nghệ, vốn và dịch vụ bảo hiểm rủi ro cho hệ thống bảo trợ xã hội, người dân, người yếu thế ở những vùng chịu nhiều rủi ro, dễ bị tổn thương trước tác động của biến đổi khí hậu.

2. Giảm nhẹ rủi ro thiên tai, giảm thiệt hại do thiên tai và khí hậu cực đoan gia tăng, góp phần giảm thiểu tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu

Triển khai các giải pháp tăng cường năng lực dự báo, cảnh báo sớm thiên tai và các điều kiện khí hậu, thời tiết cực đoan; thực hiện đánh giá và quản lý rủi ro khí hậu; thực hiện các giải pháp giảm nhẹ rủi ro thiên tai, giảm thiểu tổn thất và thiệt hại do các tác động ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của biến đổi khí hậu, sẵn sàng ứng phó với thiên tai và khí hậu cực đoan gia tăng.

2.1. Cảnh báo sớm thiên tai

a) Tăng cường năng lực truyền thông thiên tai kết hợp với hệ thống cơ sở hạ tầng về thông tin, truyền thông, đảm bảo truyền, phát thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời phục vụ phòng chống thiên tai hiệu quả.

b) Điều tra, đánh giá mức độ tác động của biến đổi khí hậu đối với khu vực ven biển, khu vực nhạy cảm, thường xuyên chịu tác động của biến đổi khí hậu; tính toán khả năng và mức độ tự thích nghi, đề xuất giải pháp ứng phó.

c) Xây dựng và triển khai kế hoạch phòng chống thiên tai; lập bản đồ cảnh báo thiên tai; xác định các biện pháp ứng phó với thiên tai, quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.

d) Đầu tư nâng cấp hệ thống quan trắc, giám sát thiên tai chuyên dùng; thực hiện xã hội hóa một số hoạt động quan trắc, giám sát khí hậu cực đoan.

2.2. Xây dựng, nâng cấp công trình phòng chống thiên tai

a) Củng cố, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống đê sông, đê biển, hệ thống công trình thủy lợi, thủy điện bảo đảm chủ động phòng, chống lũ, bão theo mức thiết kế và an toàn trước tác động gia tăng do biến đổi khí hậu; ưu tiên bảo đảm an toàn cho hệ thống hồ, đập, đê sông, đê biển; xây dựng, nâng cấp khu neo đậu tàu, thuyền tránh trú bão theo quy hoạch, gắn kết với dịch vụ hậu cần, thông tin nghề cá, bao gồm cả các khu vực hải đảo.

b) Xây dựng, củng cố công trình phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển tại những khu vực sạt lở diễn biến phức tạp, uy hiếp nghiêm trọng công trình đê điều, khu dân cư tập trung và cơ sở hạ tầng quan trọng.

c) Tăng cường kiểm soát, hạn chế ngập úng đô thị; khai thông, nạo vét, cải tạo, gia cố, nắn dòng cho các đường thoát nước đô thị; khoanh vùng bảo vệ và có giải pháp di dời, tái định cư trong vùng cảnh báo rủi ro thiên tai; phát triển nhà ở vượt lũ, nhà ở có khả năng chống chịu cao với gió bão.

d) Tăng cường năng lực phòng chống bão, lũ lụt, lũ quét và sạt lở đất ở khu vực miền núi; đầu tư xây dựng, nâng cấp, sửa chữa, cải tạo, duy tu, bảo dưỡng hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu.

2.3. Bảo đảm an toàn tính mạng và tài sản người dân, triển khai thực hiện các giải pháp nhằm giảm thiểu tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu

a) Quy hoạch, đầu tư, bố trí di dời, sắp xếp lại các khu dân cư ở những vùng thường xuyên chịu tác động của khí hậu cực đoan, nhất là nơi có nguy cơ cao xảy ra bão, lũ, nước dâng do bão, sạt lở bờ sông, bờ biển hoặc có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở, sụt lún đất, tai biến địa chất; những nơi chưa thể di dời được cần được theo dõi, giám sát, cảnh báo để kịp thời sơ tán, giảm thiểu rủi ro.

b) Tăng cường các biện pháp bảo đảm an toàn cho người dân, đặc biệt là các đối tượng dễ bị tổn thương tại các vùng thường xuyên chịu tác động của khí hậu cực đoan và thiên tai; xây dựng nhà an toàn phòng chống thiên tai; bảo đảm an toàn cho người dân.

c) Tăng cường năng lực cho các lực lượng tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn, bảo đảm an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trong các tình huống thiên tai.

d) Thực hiện các chương trình phục hồi sau thiên tai, ưu tiên đối với những khu vực chịu nhiều thiệt hại, các đối tượng dễ bị tổn thương.

đ) Triển khai các giải pháp giảm thiểu tổn thất và thiệt hại thông qua các cơ chế tài trợ rủi ro như bảo hiểm rủi ro khí hậu, quỹ dự phòng và các chương trình bảo trợ xã hội.

3. Hoàn thiện thể chế, phát huy tiềm năng và nguồn lực để thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về biến đổi khí hậu, thúc đẩy việc lồng ghép thích ứng với biến đổi khí hậu vào chiến lược, quy hoạch; thúc đẩy các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu đồng lợi ích, nâng cao nhận thức và sự tham gia của cộng đồng trong các hoạt động thích ứng với biến đổi khí

hậu thông qua truyền thông, đào tạo, tăng cường nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, huy động các nguồn tài chính, đầu tư và các hoạt động hợp tác quốc tế ứng phó với biến đổi khí hậu.

3.1 Triển khai thực hiện thể chế, chính sách

a) Xây dựng Kế hoạch, chương trình và các văn bản có liên quan để triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh; định kỳ rà soát, cập nhật, bổ sung, điều chỉnh chiến lược, kế hoạch phát triển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phục vụ ứng phó với biến đổi khí hậu, trong đó ưu tiên việc lồng ghép ứng phó với biến đổi khí hậu.

b) Triển khai thực hiện có hiệu quả cơ chế, chính sách phát triển tín dụng xanh phù hợp với mục tiêu chuyển đổi xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo hiểm rủi ro khí hậu, thí điểm triển khai bảo hiểm rủi ro biến đổi khí hậu đối với lĩnh vực trồng trọt, nuôi trồng thủy sản.

c) Nâng cao tiêu chuẩn phòng, chống thiên tai, sự cố môi trường, bảo vệ môi trường trong các công trình xây dựng, đô thị; nghiên cứu lựa chọn và xây dựng mô hình phát triển đô thị phù hợp với đặc điểm vùng, miền.

d) Hỗ trợ khuyến khích các tổ chức, cá nhân, các cơ sở sản xuất sản phẩm, vật dụng thân thiện với môi trường nhằm thay thế sản phẩm nhựa sử dụng một lần, sản phẩm có nguy cơ ảnh hưởng đến môi trường sinh thái, sức khỏe cộng đồng.

e) Cập nhật hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp quốc gia phù hợp với tình hình thực tiễn.

3.2 Truyền thông, nâng cao nhận thức và thu hút sự tham gia của cộng đồng

a) Đa dạng hóa và nâng cao chất lượng truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về dự báo khí tượng thủy văn, cảnh báo thiên tai cho cơ quan chính quyền và cộng đồng dân cư đặc biệt là khu vực miền núi của tỉnh như Nam Trà My, Phước Sơn, Nam Giang...

b) Xây dựng và triển khai các hoạt động truyền thông, nhằm phổ biến, nâng cao nhận thức, cập nhật kiến thức, thông tin về tổn thất và thiệt hại, phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, đồng lợi ích trong thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu; đẩy mạnh sự tham gia của thanh niên, phụ nữ trong các hoạt động về phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

c) Phát huy vai trò của các cơ quan truyền thông, tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể và cộng đồng, đặc biệt là cộng đồng dân tộc thiểu số trong công tác truyền thông, nâng cao nhận thức và thu hút sự tham gia của cộng đồng về phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

d) Nâng cao nhận thức các cấp, các ngành và người dân làm công tác xã hội trong lĩnh vực biến đổi khí hậu, đặc biệt là công tác xã hội với các nhóm yếu thế, dễ bị tổn thương.

3.3. Phát triển nguồn nhân lực

a) Lồng ghép nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý rủi ro thiên tai và chương trình giáo dục và đào tạo ở các cấp học; nâng cao chất lượng các chương trình đào tạo về ứng phó với biến đổi khí hậu.

b) Xây dựng và tổ chức các chương trình tập huấn, bồi dưỡng, đào tạo lại về thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai, đặc biệt đối với cán bộ ở địa phương, đội ngũ chuyên gia kỹ thuật, phụ nữ, thanh thiếu niên và các nhóm dễ bị tổn thương.

c) Tăng cường nâng cao năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu cho phụ nữ, thanh thiếu niên, người dân yếu thế (người nghèo, người có thu nhập thấp, người cao tuổi, người khuyết tật, người dân ở vùng bị thiệt hại bởi thiên tai); tập huấn hướng dẫn thích ứng, giảm thiểu rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.

3.4. Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

a) Tăng cường nghiên cứu, áp dụng khoa học và công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp, tài nguyên, môi trường, biến đổi khí hậu có đồng lợi ích với giảm phát thải khí nhà kính và phát triển bền vững kinh tế - xã hội; nghiên cứu các giải pháp giảm thiểu tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu.

b) Thử nghiệm và nhân rộng các mô hình, hoạt động ứng dụng công nghệ thích ứng với biến đổi khí hậu, mô hình nông nghiệp thông minh, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

3.5. Huy động nguồn lực tài chính, đầu tư cho thích ứng với biến đổi khí hậu

a) Ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước hoặc sử dụng các nguồn hỗ trợ, viện trợ không hoàn lại, vốn ODA, vay ưu đãi để triển khai xây dựng các công trình, dự án thích ứng với biến đổi khí hậu có đồng lợi ích với phát triển kinh tế - xã hội và giảm phát thải khí nhà kính.

b) Thu hút sự tham gia của cộng đồng, các tổ chức xã hội trong nghiên cứu, triển khai các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh; Tiếp cận và huy động nguồn vốn hỗ trợ quốc tế cho thích ứng với biến đổi khí hậu.

3.6. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu

a) Định kỳ báo cáo tình hình triển khai thực hiện Đóng góp quốc gia tự quyết định và các báo cáo về thích ứng với biến đổi khí hậu; chủ động đề xuất ý tưởng, sáng kiến mới và tích cực tham gia các cơ chế, sáng kiến quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

b) Tăng cường hợp tác quốc tế trong và ngoài nước, nhằm trao đổi thông tin, chia sẻ kinh nghiệm, kiến thức, kỹ năng quản lý và huy động nguồn lực cho thích ứng với biến đổi khí hậu trên cơ sở bình đẳng, hợp tác và cùng có lợi.

III. CÁC GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

1. Giai đoạn đến năm 2030

a) Xây dựng và triển khai các chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước và Chính phủ về ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

b) Định kỳ cập nhật báo cáo về thích ứng với biến đổi khí hậu theo yêu cầu của Bộ, ngành, Trung ương.

c) Triển khai, nhân rộng các mô hình canh tác nông nghiệp xen canh thích ứng với biến đổi khí hậu; bố trí cơ cấu mùa vụ, cây trồng phù hợp; phát triển và nhân rộng các giống cây trồng, vật nuôi, các mô hình trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn.

d) Sử dụng hiệu quả và ngăn chặn tình trạng suy giảm, suy thoái tài nguyên nước, tài nguyên đất, đa dạng sinh học; bảo vệ nghiêm ngặt rừng tự nhiên hiện có theo quy định của pháp luật.

đ) Nâng cao năng lực giám sát biến đổi khí hậu, quan trắc khí tượng thủy văn, chất lượng truyền tải thông tin về ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai; tăng cường mức độ an toàn của hệ thống công trình phòng chống thiên tai; triển khai kịp thời, hiệu quả các giải pháp phòng chống thiên tai liên quan đến bão, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất.

e) Nâng cấp, cải tạo hệ thống cơ sở hạ tầng nhằm nâng cao năng lực chống chịu, chống ngập cho các khu dân cư tập trung; phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển, hạn hán, xâm nhập mặn; tăng cường khả năng thích ứng và phục hồi của hệ sinh thái tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học.

f) Tăng cường nguồn lực cho thích ứng biến đổi khí hậu; tăng cường bình đẳng giới và phát huy vai trò của phụ nữ, thanh thiếu niên trong các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu; đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ thích ứng với biến đổi khí hậu; thu hút đầu tư cho các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu và tăng cường hợp tác quốc tế.

g) Thúc đẩy các hành động thích ứng mang lại đồng lợi ích trong giảm nhẹ rủi ro do biến đổi khí hậu và hiệu quả về kinh tế, xã hội, môi trường.

2. Tầm nhìn đến năm 2050

Giai đoạn sau năm 2030 cho đến năm 2050, tiếp tục tăng cường năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu của con người, hạ tầng kỹ thuật và các hệ thống tự nhiên nhằm bảo vệ và nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo đảm an ninh lương thực, an ninh năng lượng, an ninh nước, bình đẳng giới, an sinh xã hội, sức khỏe cộng đồng, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, phát triển bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu và an toàn trước thiên tai.

Thực hiện lồng ghép thích ứng với biến đổi khí hậu trong các hoạt động kinh tế và xã hội nhằm chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, tận dụng cơ hội từ biến đổi khí hậu để phát triển kinh tế - xã hội.

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

Việc giám sát và đánh giá thực hiện Kế hoạch dựa trên báo cáo tiến độ và kết quả thực hiện các nhiệm vụ trong danh mục các nhiệm vụ kèm theo.

Các Sở, Ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm giám sát và đánh giá việc triển khai thực hiện Kế hoạch trong phạm vi quản lý; báo cáo tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch về UBND tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp), để báo cáo thông qua phần mềm báo cáo kết quả giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu trực tuyến do Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng, hướng dẫn.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch bao gồm từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành thực hiện theo quy định của pháp luật về Ngân sách nhà nước, Đầu tư công và các quy định liên quan; các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức giám sát, theo dõi, đôn đốc và đánh giá việc triển khai thực hiện Kế hoạch. Định kỳ 5 năm sơ kết đánh giá tình hình thực hiện.

Tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh những bất cập, vướng mắc nảy sinh trong quá trình thực hiện để kịp thời báo cáo Chính phủ, Bộ, ngành hướng dẫn theo quy định.

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các cơ quan liên quan trong quá trình xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ, thu hút đầu tư cho các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, tổng hợp các dự án đầu tư liên quan đến thích ứng với biến đổi khí hậu vào kế hoạch đầu tư công trung hạn theo các giai đoạn trên cơ sở danh mục dự án của các ngành, địa phương đề xuất để trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công.

b) Chủ trì, phối hợp với các ngành và các địa phương rà soát các quy hoạch, kế hoạch phát triển của ngành, lĩnh vực và địa phương, bảo đảm các hoạt động của Kế hoạch được lồng ghép, tích hợp theo quy định và đảm bảo tính liên kết, đồng bộ giữa các quy hoạch, kế hoạch.

c) Tăng cường triển khai các hoạt động nhằm hỗ trợ, thu hút đầu tư, huy động nguồn lực cho các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị, địa phương có liên quan tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét bố trí kinh phí vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh để triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ được giao của Kế hoạch này trong dự toán ngân sách hằng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước theo khả năng cân đối ngân sách và các chế độ, chính sách hiện hành.

4. Sở Thông tin và Truyền thông

Tiếp tục chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành các kế hoạch hằng năm về triển khai thực hiện Kế hoạch số 4014/KH-UBND ngày 02/7/2021 của UBND tỉnh về truyền thông nâng cao nhận thức về phòng, chống thiên tai - chủ động thích ứng và ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021- 2030; Tổ chức tổng kết, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch theo quy định. Tăng cường chỉ đạo, định hướng các cơ quan báo chí, Cổng/Trang Thông tin điện tử, hệ thống thông tin cơ sở... trong công tác truyền thông, nâng cao nhận thức.

5. Các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Căn cứ nội dung Kế hoạch có trách nhiệm xây dựng nội dung chi tiết, dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật

hiện hành, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc phê duyệt theo thẩm quyền để triển khai thực hiện bảo đảm tiến độ và chất lượng.

b) Rà soát các chương trình, kế hoạch phát triển của ngành, lĩnh vực và địa phương, bảo đảm các hoạt động của Kế hoạch được lồng ghép, tích hợp theo quy định và bảo đảm tính liên kết đồng bộ giữa các quy hoạch, kế hoạch.

c) Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức; vận động, thu hút sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp và cộng đồng; tạo điều kiện cho các tổ chức tài chính, doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư, hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ được giao.

d) Thực hiện giám sát và đánh giá các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu trong phạm vi quản lý.

Định kỳ hằng năm báo cáo tình hình thực hiện về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 12 để tổng hợp tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

6. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội

Tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong mọi tầng lớp Nhân dân về Kế hoạch thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Quảng Nam và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong Kế hoạch thuộc thẩm quyền. Khuyến khích tham gia vào việc giám sát, đánh giá độc lập việc thực hiện các nội dung của Kế hoạch trên địa bàn tỉnh Quảng Nam

Căn cứ nội dung Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 (cập nhật), các Sở, Ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai xây dựng nội dung chi tiết, dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật hiện hành, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc phê duyệt theo thẩm quyền để triển khai thực hiện. Đối với các nhiệm vụ thuộc chức năng, nhiệm vụ thường xuyên, các Sở, Ban, ngành, địa phương có trách nhiệm bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách được giao hàng năm để thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để kịp thời xem xét, giải quyết./.

Phụ lục
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU
TỈNH QUẢNG NAM GIAI ĐOẠN 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050 (cập nhật)
(Ban hành kèm theo Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 21/01/2025 của UBND tỉnh Quảng Nam)

Mục tiêu 1. Nâng cao khả năng chống chịu và năng lực thích ứng của hệ thống tự nhiên, kinh tế và xã hội, bảo đảm sinh kế bền vững

STT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
I	Sử dụng hiệu quả và ngăn chặn tình trạng suy giảm, suy thoái tài nguyên nước, tài nguyên đất			
1.1	Điều tra, đánh giá các nguồn nước dưới đất, quản lý chặt chẽ các hoạt động khai thác nước dưới đất; bảo vệ chất lượng nguồn nước.	Xây dựng kế hoạch bảo vệ nước dưới đất (điều tra, đánh giá các nguồn nước dưới đất để có kế hoạch bảo vệ nước dưới đất ở những khu vực nhạy cảm) Xác định vùng hạn chế khai thác nước dưới đất, ngưỡng khai thác nước dưới đất cho các khu vực; đề xuất biện pháp bảo vệ tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh;	Sở Tài nguyên và Môi trường; các Sở ngành liên quan; UBND huyện, thị xã, thành phố	2025-2030: Thực hiện, hoàn thành, tổng kết, đánh giá
1.2	Khai thác hợp lý, hiệu quả và tăng cường các giải pháp bảo vệ, giảm thiểu thoái hóa đất.	Thống kê, khai thác hợp lý diện tích đất chưa sử dụng, đất bãi bồi ven sông, ven biển cho phát triển rừng, phát triển cây xanh ở đô thị và khu công nghiệp. Nghiên cứu các biện pháp cải tạo, bảo vệ đất sản xuất nông nghiệp bị thoái hóa; ngăn ngừa, giảm thiểu thoái hóa đất do xói mòn, hạn hán, xâm nhập mặn.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các Sở ngành liên quan; UBND huyện, thị xã, thành phố	2025-2026: Thực hiện 2026-2030: Thực hiện, hoàn thành, tổng kết, đánh giá
II	Phát triển nông nghiệp thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu			
2.1	Nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp, chuyển đổi một phần diện tích trồng lúa sang trồng cây có giá trị, hiệu quả kinh tế cao hoặc trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy	Đánh giá hiệu quả đất trồng lúa và chuyển đổi đất trồng lúa kém hiệu quả sang các cây ăn quả, rau màu, mô hình canh tác hỗn hợp (lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản, lúa - rau màu, cây ăn quả, cây thức ăn chăn nuôi) có hiệu quả kinh tế cao, phù hợp với từng vùng sinh thái. Khai thác và phát triển nguồn gen giống vật nuôi bản địa theo hướng sản xuất hàng hóa có hiệu quả gắn với du lịch	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND huyện, thị xã, thành phố	2025-2030: Thực hiện, hoàn thành, tổng kết, đánh giá 2024-2025: Tiếp tục triển khai tại địa phương

STT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
	sản; khai thác và phát huy lợi thế của tỉnh; phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái, phát thải khí nhà kính thấp, thân thiện với môi trường	sinh thái; hỗ trợ xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý cho các giống vật nuôi bản địa chất lượng cao, có lợi thế.		2026-2030: Thực hiện, hoàn thành, tổng kết, đánh giá
		Chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với lợi thế so sánh, thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu theo vùng miền (nông lâm kết hợp, nông nghiệp thủy sản, ưu tiên cho sản xuất hàng hóa, quy mô lớn, sản xuất theo chuỗi, nâng cao giá trị gia tăng).		2024-2025: Tiếp tục triển khai tại địa phương 2026-2030: Thực hiện, hoàn thành, tổng kết, đánh giá
		Ứng dụng khoa học và công nghệ, công nghệ cao, cơ giới hoá, tự động hoá và các quy trình canh tác tiên tiến, thâm canh bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu ở các vùng sinh thái		2024-2025: Tiếp tục triển khai tại địa phương 2026-2030: Thực hiện, hoàn thành, tổng kết, đánh giá
		Tăng cường các hoạt động kiểm soát dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, cải tiến các dịch vụ thú y để phát triển chăn nuôi bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu và khai thác lợi thế các vùng sinh thái.		2024-2025: Kiểm soát dịch bệnh và ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi 2026-2030: kiểm soát dịch bệnh, ô nhiễm môi trường và dịch vụ thú y được áp dụng trong toàn bộ quá trình chăn nuôi
2.2	Đẩy mạnh hợp tác, liên kết vùng, phát triển chuỗi giá trị nông sản chủ lực, quy hoạch vùng sản xuất, phát triển	Phát triển các mô hình thích ứng, liên kết trong chăn nuôi từ khâu cải tiến giống vật nuôi, công nghệ chăn nuôi, thị trường tiêu thụ (trong nước, hướng đến xuất khẩu) và xử lý chất thải phù hợp với điều kiện sinh thái.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND huyện, thị xã, thành phố	2024-2025: Triển khai thí điểm 2026-2030: Tiếp tục thực hiện, hoàn thành, tổng kết, đánh giá

STT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
	nông nghiệp hàng hóa tập trung quy mô lớn theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ cao và các tiến bộ khoa học.			
2.3	Bố trí cơ cấu mùa vụ, đẩy mạnh thâm canh, xen canh	Xác định cơ cấu mùa vụ thích ứng với biến đổi khí hậu Nhân rộng các phương pháp xen canh, thâm canh các giống cây trồng thích ứng với biến đổi khí hậu tại các địa phương	Sở Nông nghiệp và PTNT và UBND huyện, thị xã, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai thí điểm 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá.
2.4	Thực hiện các giải pháp nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mô hình trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, khai thác thủy sản bền vững, phù hợp với điều kiện hạn, mặn; nâng cao khả năng chống chịu, thích ứng của nông nghiệp với biến đổi khí hậu	Xây dựng các mô hình sản xuất tiên tiến (áp dụng đồng bộ hệ thống tưới, quản lý dinh dưỡng tổng hợp, sử dụng cây giống sạch bệnh, giống có lợi thế xuất khẩu, quản lý thâm canh và sử dụng biện pháp phòng trừ dịch bệnh thân thiện với môi trường). Nhân rộng các mô hình canh tác lúa cải tiến (SRI); canh tác ngô xen đậu (IMB), sắn với lạc, đậu (ICB); mô hình thâm canh cây ăn quả theo VietGAP (VGP) thích ứng với biến đổi khí hậu Nhân rộng mô hình chăn nuôi cải tiến chuồng trại và ứng dụng công nghệ cao thích ứng với biến đổi khí hậu. Triển khai ứng dụng các mô hình liên kết, tổng hợp theo chuỗi giá trị (chăn nuôi công nghệ cao, an toàn sinh học, chăn nuôi kết hợp sản xuất năng lượng (IFES), chăn nuôi dựa trên sinh thái (AEbA), chăn nuôi theo VietGAP, chăn nuôi thông minh với khí hậu (CSA).	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND huyện, thị xã, thành phố	2024 - 2025: Xây dựng thí điểm. 2026 - 2030: Áp dụng trên diện rộng và tổng kết, đánh giá. 2024 - 2025: Tiếp tục triển khai thực hiện. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá.

STT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
		Nhân rộng mô hình sử dụng thức ăn xanh cho chăn nuôi bò và gia súc nhai lại khác (GFC) thích ứng với biến đổi khí hậu. Chuyển dịch chăn nuôi phân tán, nhỏ lẻ sang chăn nuôi tập trung theo mô hình trang trại, được đầu tư đồng bộ về hệ thống chuồng nuôi và môi trường, áp dụng công nghệ chăn nuôi tiên tiến để nâng cao khả năng thích ứng và giá trị gia tăng.		2024 - 2025: Tiếp tục triển khai thực hiện. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá.
2.5	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phát triển các giống cây trồng vật nuôi mới thích ứng thông minh với biến đổi khí hậu.	Lựa chọn tạo giống lúa chất lượng, chịu mặn cao, kháng rầy nâu thích hợp cho vùng đất nhiễm mặn đồng bằng ven biển thích ứng với biến đổi khí hậu. Nhân rộng mô hình sử dụng các giống gia cầm, thủy cầm địa phương có khả năng chống chịu cao (LCT) thích ứng với biến đổi khí hậu. Chuyển dịch cơ cấu giữa khai thác với nuôi trồng và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, phát triển dịch vụ phục vụ cho nuôi trồng thủy sản.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND huyện, thị xã, thành phố	2024 - 2025: Tuyển chọn giống mới và đưa vào sản xuất 2026 - 2030: Mở rộng quy mô áp dụng, tổng kết, đánh giá. 2024 - 2025: Thực hiện thí điểm 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
2.6	Đẩy mạnh nuôi trồng, khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản có giá trị gia tăng cao.	Nhân rộng mô hình nuôi trồng thủy sản hỗn hợp đa loài, đa tầng (IAQ), an toàn sinh học (BSS) thích ứng với biến đổi khí hậu. Chuyển đổi cơ cấu tàu thuyền với công suất hợp lý, đổi mới công nghệ khai thác thủy sản đạt hiệu quả cao thích ứng với biến đổi khí hậu		

STT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
III	Quản lý bảo vệ rừng và các hệ sinh thái			
3.1	Bảo vệ nghiêm ngặt rừng tự nhiên hiện có; tăng cường khả năng phòng hộ của rừng đầu nguồn, rừng ven biển; phát triển rừng trồng gỗ lớn và phục hồi cảnh quan rừng.	Triển khai các dự án trồng rừng, ưu tiên rừng đầu nguồn, rừng ven biển, rừng cây gỗ lớn. Phục hồi, phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng ngập mặn ven biển, chống khai thác bất hợp pháp, bảo tồn đa dạng sinh học rừng.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND huyện, thị xã, thành phố	2024 - 2025: Thực hiện thí điểm 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá 2024 - 2025: Tiếp tục triển khai thực hiện, phục hồi 2026 - 2030: Nhân rộng, tổng kết, đánh giá
3.2	Tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong bảo vệ, quản lý và phát triển rừng nhằm cải thiện sinh kế, tăng thu nhập và cơ hội việc làm trong lâm nghiệp.	Nhân rộng mô hình phục hồi hệ sinh thái rừng ngập mặn tại các đầm nuôi trồng thủy sản đã bị suy thoái theo hướng lâm - ngư kết hợp và dựa vào cộng đồng.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND huyện, thị xã, thành phố	2024 - 2025: Thực hiện thí điểm 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
3.3	Thiết lập và mở rộng hoạt động của các khu bảo tồn biển, các khu bảo tồn thiên nhiên.	Tiếp tục bảo tồn và phát triển các hành lang đa dạng sinh học liên tỉnh, liên vùng	Các Sở: TN&MT; NN&PTNT và UBND huyện, thị xã, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai thí điểm cho các vùng. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá.
IV	Phát triển hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu			
4.1	Nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng của các ngành gắn với triển khai đồng bộ các biện pháp bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.	Tham gia thực hiện các dự án, nhiệm vụ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cảng cá, bến cá, khu neo đậu trú tránh bão cho tàu thuyền tại vùng ven biển	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND huyện, thị xã, thành phố	2024-2025: Tiếp tục thực hiện 2026-2030: Tiếp tục hoàn thành, tổng kết, đánh giá

STT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
		Phát triển hạ tầng ngành thông tin, truyền thông thích ứng với biến đổi khí hậu.	Sở TT&TT và UBND huyện, thị xã, thành phố	2024-2030: Triển khai, tổng kết, đánh giá
		Nâng cấp, cải tạo hệ thống cơ sở hạ tầng, các công trình du lịch, thể thao nhằm nâng cao khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu, chú trọng các khu, điểm du lịch và xây dựng các sản phẩm du lịch thích ứng với biến đổi khí hậu.	Sở Văn hóa, TT&DL và UBND huyện, thị xã, thành phố	2024-2030: Tiếp tục triển khai, mở rộng và tổ chức đánh giá, tổng kết
		Xây dựng đề án duy tu, bảo tồn các khu di tích văn hóa, lịch sử trong điều kiện biến đổi khí hậu, chú trọng công tác duy tu, bảo tồn các khu di tích văn hóa.		2024 - 2025: Xây dựng đề án và triển khai. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô thực hiện, tổng kết, đánh giá
		Xây dựng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch nâng cấp, cải tạo các nhà máy điện, trạm truyền tải điện, trạm biến áp, hệ thống đường dây tải điện; hệ thống ống dẫn nhiên liệu, hầm mỏ, bãi than và các cơ sở năng lượng khác ở vùng ven biển.	Sở Công Thương và UBND huyện, thị xã, thành phố	2024-2030: Triển khai theo kế hoạch. Tổ chức tổng kết, đánh giá
4.2	Xây dựng, nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng đô thị, các điểm dân cư tập trung, khu công nghiệp, khu tái định cư ven biển và hải đảo; phát triển các khu đô thị, đô thị ven biển, công nghệ, vật liệu mới có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực xây dựng và đô thị.	Xây dựng, nâng cấp, cải tạo hệ thống hạ tầng đô thị, nông thôn, các điểm dân cư tập trung trên cơ sở quy hoạch sử dụng đất, kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng.	Sở Xây dựng và UBND huyện, thị xã, thành phố	2024-2030: Triển khai theo kế hoạch. Tổ chức tổng kết, đánh giá
		Nâng cấp, cải tạo các cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp, khu tái định cư ven biển và hải đảo trên cơ sở kịch bản nước biển dâng.		
		Triển khai các dự án nhằm ứng dụng các công nghệ, sử dụng các loại vật liệu mới, bền vững, có tính chống chịu cao với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực xây dựng và đô thị.		

STT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
4.3	Xây dựng, nâng cấp, cải tạo các cơ sở y tế, trường học bảo đảm khả năng chống chịu trước tác động của biến đổi khí hậu và thiên tai.	Nâng cấp, cải tạo các cơ sở ngành y tế bảo đảm điều kiện chăm sóc sức khỏe; bảo đảm khả năng tiếp cận, duy trì hoạt động khi xảy ra thiên tai và sơ tán trong các tình huống thiên tai khẩn cấp.	Sở Y tế và UBND huyện, thị xã, thành phố	2024-2030: Triển khai theo kế hoạch. Tổ chức tổng kết, đánh giá
		Xây dựng, nâng cấp, cải tạo các trường học bảo đảm khả năng chống chịu trước tác động của biến đổi khí hậu; bảo đảm an toàn và tăng cường khả năng ứng phó trước thiên tai.	Sở Giáo dục và Đào tạo và UBND huyện, thị xã, thành phố	2024-2030: Triển khai theo kế hoạch. Tổ chức tổng kết, đánh giá
4.4	Cải tạo, nâng cấp các công trình giao thông tại các khu vực có rủi ro thiên tai cao và dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu;	Nâng cấp, cải tạo, xây dựng các công trình giao thông đường bộ, đường thủy ở những vùng thường bị đe dọa bởi lũ, lụt, sạt lở, nước biển dâng,	Sở Giao thông vận tải và UBND huyện, thị xã, thành phố	2024-2030: Triển khai theo kế hoạch. Tổ chức tổng kết, đánh giá
4.5	Xây dựng, nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước, phòng chống ngập lụt do mưa lớn, lũ, triều cường, nước dâng do bão cho các đô thị lớn, đô thị ven biển.	Thực hiện các giải pháp chống ngập cho các khu vực đô thị và khu tập trung đông dân cư	UBND các huyện, thị xã, thành phố	2024 - 2025: Triển khai cho các khu vực trọng điểm. 2026 - 2030: Triển khai thực hiện, hoàn thành cho các đô thị, tổng kết đánh giá
4.6	Xây dựng, nâng cấp, cải tạo các công trình trữ nước ngọt phục vụ sinh hoạt và sản xuất; xây dựng và hoàn thiện hệ thống các công trình thủy lợi	Xây dựng, nâng cấp, cải tạo các công trình thủy lợi, hồ chứa, phục vụ cấp nước sinh hoạt, sản xuất trong điều kiện biến đổi khí hậu	Sở Nông nghiệp và PTNT, phối hợp cùng với UBND huyện, thị xã, thành phố	2024 - 2025: Triển khai cho các khu vực trọng điểm. 2026 - 2030: Triển khai thực hiện, hoàn thành cho các đô thị, tổng kết đánh giá

STT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
V	Tăng cường hệ thống y tế và chăm sóc sức khỏe			
5.1	Phát triển mạng lưới y tế, chăm sóc sức khỏe, đáp ứng yêu cầu phòng chống dịch bệnh và các bệnh mới phát sinh do biến đổi khí hậu.	Phát triển mạng lưới y tế, chăm sóc sức khỏe, ưu tiên cho các cộng đồng người dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa đáp ứng yêu cầu về phòng chống dịch, bệnh và các bệnh mới phát sinh do tác động của biến đổi khí hậu.	Sở Y tế và UBND huyện, thị xã, thành phố	2024 - 2025: Triển khai cho các khu vực trọng điểm. 2026 - 2030: Triển khai thực hiện, hoàn thành cho các đô thị, tổng kết đánh giá
5.2	Đầu tư công nghệ, trang thiết bị nhằm dự phòng và điều trị các bệnh gia tăng do biến đổi khí hậu.	Đầu tư công nghệ, trang thiết bị cho các cơ sở y tế, khám chữa bệnh đủ năng lực để điều trị các bệnh nhạy cảm với biến đổi khí hậu như: sốt rét, tiêu chảy, hô hấp, tim mạch.	Sở Y tế và UBND huyện, thị xã, thành phố	2024 - 2025: Triển khai cho các khu vực trọng điểm. 2026 - 2030: Triển khai thực hiện, hoàn thành cho các đô thị, tổng kết đánh giá
5.3	Xây dựng và nhân rộng các mô hình của ngành y tế và sức khỏe cộng đồng nhằm nâng cao khả năng chống chịu của cộng đồng, thích ứng với biến đổi khí hậu	Xây dựng và nhân rộng các mô hình vệ sinh môi trường và nước sạch thích ứng với biến đổi khí hậu cho cộng đồng và cơ sở y tế, chú trọng khu vực nông thôn, miền núi, ven biển, đặc biệt là những vùng chịu tác động của bão, lũ, hạn hán, xâm nhập mặn. Xây dựng, nhân rộng các mô hình về dinh dưỡng, thực phẩm, bệnh lây nhiễm, bệnh không lây nhiễm và ứng dụng công nghệ thân thiện với môi trường, công nghệ tái tạo, sử dụng năng lượng sạch thích ứng với biến đổi khí hậu cho cộng đồng và các cơ sở y tế.	Sở Y tế và UBND huyện, thị xã, thành phố	2024 - 2025: Xây dựng và áp dụng thí điểm. 2026 - 2030: Nhân rộng và tổng kết đánh giá

Mục tiêu 2. Giảm nhẹ rủi ro thiên tai, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai và khí hậu cực đoan gia tăng, góp phần giảm thiểu tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
I. Cảnh báo sớm thiên tai				
1.1	Đầu tư, nâng cấp hệ thống quan trắc, giám sát thiên tai chuyên dùng; thực hiện xã hội hóa một số hoạt động quan trắc, giám sát khí hậu cực đoan.	Phát triển các hệ thống quan trắc, giám sát thiên tai chuyên dùng phục vụ phòng chống bão, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất, sạt lở bờ sông, bờ biển, bảo đảm an toàn vận hành hồ chứa.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND huyện, thị xã, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai các dự án. 2026 - 2030: Hoàn thiện hệ thống theo quy hoạch và tổng kết đánh giá.
1.2	Tăng cường năng lực truyền tin khí hậu và thiên tai, bảo đảm truyền, phát thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời;	Nâng cao năng lực truyền tin, bảo đảm truyền, phát đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về khí hậu và thiên tai tới tất cả người dân và tàu thuyền hoạt động trên biển.	Sở TTTT; UBND huyện, thị xã, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai thực hiện. 2026 - 2030: Hoàn thành và tổng kết đánh giá.
1.3	Giảm thiểu tổn thất và thiệt hại thông qua các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai; cải thiện hệ thống quản lý rủi ro thiên tai; tăng cường năng lực, biện pháp quản lý và thúc đẩy phòng chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai.	Xây dựng và triển khai kế hoạch phòng, chống thiên tai; xác định các biện pháp ứng phó thiên tai, quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng và khắc phục hậu quả thiên tai	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND huyện, thị xã, thành phố	2024 - 2025: cập nhật, triển khai thực hiện KH PCTT giai đoạn 2021-2025. 2026 - 2030: Tiếp tục xây dựng thực hiện và tổng kết đánh giá KH PCTT giai đoạn 05 năm của tỉnh
II. Xây dựng, nâng cấp công trình phòng chống thiên tai				
2.1	Củng cố, nâng cấp hệ thống đê sông, đê biển, hệ thống công trình thủy lợi, thủy điện; ưu tiên bảo	Đầu tư xây dựng hệ thống cảnh báo sớm thiên tai cho các hồ chứa để chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các chủ các hồ chứa;	2024-2025: Thực hiện 2026 - 2030: Thực hiện, tổng kết đánh giá.

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
	đảm an toàn cho hệ thống hồ, đập, đê sông, đê biển.	Đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp bảo đảm an toàn các hồ chứa, hệ thống đê sông, đê biển, công trình phòng chống thiên tai có nguy cơ tổn thương cao do tác động của biến đổi khí hậu; đặc biệt xây dựng các công trình phòng chống thiên tai trọng điểm, cấp bách	UBND huyện, thị xã, thành phố	2024-2025: Thực hiện 2026 - 2030: Thực hiện, tổng kết đánh giá.
2.2	Xây dựng, nâng cấp khu neo đậu tàu, thuyền tránh trú bão.	Xây dựng, nâng cấp khu neo đậu tàu, thuyền tránh trú bão theo quy hoạch, gắn kết với dịch vụ hậu cần, thông tin nghề cá, bao gồm cả các khu vực hải đảo.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND huyện, thị xã, thành phố	2024-2025: Thực hiện 2026 - 2030: Thực hiện, tổng kết đánh giá.
2.3	Tăng cường năng lực phòng chống lũ quét, sạt lở đất, phòng chống bão, phòng chống lũ lớn và lũ cực đoan; phòng chống tác hại của hạn hán, triều cường và xâm nhập mặn.	Tăng cường năng lực phòng chống bão, lũ lớn và lũ cực đoan trên lưu vực sông	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND huyện, thị xã, thành phố	2024-2025: Thực hiện 2026 - 2030: Thực hiện, tổng kết đánh giá.
		Rà soát, xây dựng, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi, ưu tiên các công trình vùng cửa sông và các vùng dễ bị tổn thương nhằm ứng phó với bão, lũ, hạn hán, nước biển dâng và xâm nhập mặn.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND huyện, thị xã, thành phố	2024-2025: Thực hiện 2026 - 2030: Thực hiện, tổng kết đánh giá.
3. Bảo đảm an toàn tính mạng và tài sản người dân, triển khai các giải pháp nhằm giảm thiểu tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu				
3.1	Quy hoạch, đầu tư, bố trí di dời, sắp xếp lại các khu dân cư ở những vùng thường xuyên chịu tác động của thiên tai, khí hậu cực đoan; những nơi chưa thể di dời được cần được theo dõi, giám sát, cảnh báo để kịp thời sơ tán, giảm thiểu rủi ro.	Đầu tư bố trí, sắp xếp lại các khu dân cư ở những vùng thường xuyên bị tác động của bão, nước dâng do bão, lũ lụt, xói lở bờ sông, bờ biển hoặc có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND huyện, thị xã, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai cho các vùng có nguy cơ cao. 2026 - 2030: Hoàn thành và tổng kết, đánh giá.

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
3.2	Tăng cường các biện pháp bảo đảm an toàn cho người dân; xây dựng nhà an toàn phòng chống thiên tai gắn với xây dựng nông thôn mới	Xây dựng nhà ở an toàn với bão, lũ tại những khu vực có nguy cơ cao chịu tác động của thiên tai	Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai cho các khu vực có nguy cơ cao. 2026 - 2030: Hoàn thành và tổng kết, đánh giá.
3.3	Triển khai các giải pháp nhằm giảm thiểu tổn thất và thiệt hại thông qua đánh giá và quản lý rủi ro khí hậu, các cơ chế tài trợ rủi ro như bảo hiểm rủi ro khí hậu, quỹ dự phòng và các chương trình bảo trợ xã hội.	Định kỳ cập nhật đánh giá khí hậu quốc gia, tác động của biến đổi khí hậu và kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh.	Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở, ngành liên quan	2024 - 2030: Báo cáo đánh giá được cập nhật định kỳ.
		Đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu.	Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở, ngành liên quan	2024 - 2030: Triển khai thực hiện.

Mục tiêu 3. Phát huy tiềm năng và nguồn lực nhằm thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
I. Hoàn thiện thể chế				
1.1	Rà soát, sửa đổi, bổ sung các luật chuyên ngành, các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển các cấp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 bảo đảm yêu cầu ứng phó với biến đổi khí hậu và yêu cầu lồng ghép các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu	Rà soát, xây dựng, cập nhật các chiến lược phát triển ngành, quy hoạch tỉnh trên cơ sở quy định của Luật Quy hoạch và kịch bản biến đổi khí hậu, có chú trọng đến vùng dễ bị tổn thương do tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu	Sở Kế hoạch và Đầu tư; các Sở, Ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố	2024 - 2025: Các chiến lược, quy hoạch được xây dựng và phê duyệt. 2026 - 2030: Tiếp tục xây dựng và cập nhật theo yêu cầu.

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
1.2	Giám sát, đánh giá kết quả, hiệu quả thích ứng với biến đổi khí hậu, thiết lập, vận hành hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp ngành, cấp tỉnh	Rà soát, cập nhật hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp quốc gia.	Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố	2025 - 2030: Triển khai việc rà soát, cập nhật.
II. Phát triển nguồn nhân lực				
2.1	Xây dựng và triển khai chương trình tập huấn, bồi dưỡng, đào tạo lại về thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai.	Triển khai thực hiện Kế hoạch số 4014/KH-UBND ngày 02/7/2024 của UBND tỉnh về truyền thông nâng cao nhận thức về phòng, chống thiên tai - chủ động thích ứng và ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021- 2030 Tăng cường năng lực cho cán bộ tại các địa phương.	Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Thông tin truyền thông và UBND huyện, thị xã, thành phố	2024 - 2030: Xây dựng, triển khai thực hiện.
2.2	Lồng ghép nội dung thích ứng với biến đổi khí hậu vào chương trình các bậc học; nâng cao chất lượng các chương trình giảng dạy về ứng phó với biến đổi khí hậu.	Cập nhật, lồng ghép, tích hợp các nội dung về ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai trong triển khai chương trình giáo dục phổ thông Nâng cao chất lượng, phát triển năng lực của đội ngũ giáo viên, cán bộ ngành giáo dục về ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai.	Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND huyện, thị xã, thành phố	2024 - 2025: Triển khai thí điểm. 2026 - 2030: Tiếp tục triển khai, mở rộng và tổng kết đánh giá.

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
III. Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ				
3.1	Nghiên cứu các giải pháp thích ứng biến đổi khí hậu đồng lợi ích với giảm phát thải khí nhà kính và phát triển bền vững kinh tế - xã hội; giải quyết vấn đề tồn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu.	Nghiên cứu và triển khai thực hiện các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu có đồng lợi ích với giảm phát thải khí nhà kính và phát triển bền vững kinh tế - xã hội	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố	2024 - 2025: Nghiên cứu, triển khai thí điểm. 2026 - 2030: Tiếp tục thực hiện, tổng kết đánh giá
IV. Huy động nguồn lực tài chính, đầu tư cho thích ứng với biến đổi khí hậu				
4.1	Tăng cường triển khai các hoạt động vận động quốc tế, thu hút đầu tư cho ứng phó với biến đổi khí hậu.	Tăng cường triển khai các hoạt động vận động quốc tế, thu hút đầu tư cho ứng phó với biến đổi khí hậu.	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường	2024 - 2030: Các hoạt động được triển khai.
V. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu				
5.1	Thực hiện các nhiệm vụ thuộc thẩm quyền trong các Kế hoạch triển khai các Công ước, điều ước, thỏa thuận quốc tế liên quan	Định kỳ cập nhật, báo cáo thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định, Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu.	Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở, ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố	2024 - 2030: Báo cáo được xây dựng định kỳ.
5.2	Thúc đẩy hợp tác, nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong thực hiện các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng	Tham gia các chương trình, diễn đàn quốc tế, dự án tăng cường hợp tác và trao đổi trong nghiên cứu, đào tạo và chuyển giao công nghệ ứng phó với biến đổi khí hậu, ngăn ngừa, giảm thiểu tồn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu.		2024 - 2030: Tham gia các chương trình, diễn đàn theo kế hoạch.